

Số: 06 /QĐTN

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 04 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp đại học hệ vừa làm vừa học
Ngành GD Mầm non (phương thức liên thông), khóa TS'2010
Đào tạo tại Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Quảng Nam

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ quyết định số 05/TBCB ngày 06/01/1996 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về cơ cấu tổ chức trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 36/2007/QĐ-BGDĐT ngày 28/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hình thức vừa làm vừa học;

Căn cứ quyết định số 744 /QĐ-HC ngày 25/11/2011 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm-Đại học Đà Nẵng về việc thành lập Hội đồng thi và xét công nhận tốt nghiệp đại học hệ vừa làm vừa học khóa thi ngày 03, 04/12/2011;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp ngày 04/01/2012 của Trường Đại học Sư phạm;

Theo đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp đại học cho 147 học viên hệ đào tạo vừa làm vừa học (theo phương thức liên thông), khóa TS'2010, tại Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Quảng Nam, trong đó:

- Ngành Giáo dục Mầm non (tại Đại Lộc): 92 học viên
- Ngành Giáo dục Mầm non (tại Tam Kỳ): 55 học viên

(có danh sách kèm theo).

Điều 2. Cấp bằng tốt nghiệp đại học và công nhận danh hiệu Cử nhân Khoa học cho các học viên có tên ở điều 1.

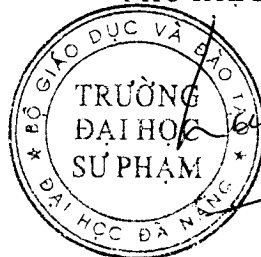
Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng Phòng Đào tạo, HCTH, Tổ trưởng Tổ Tài vụ, Trưởng Khoa GD Tiểu học-Mầm non và các học viên có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (qua Ban Đào tạo ĐHĐN);
- ĐHĐN (Ban Đào tạo);
- Như điều 3;
- Lưu: HCTH, ĐT.

B03.QT760-01

KT. **HIỆU TRƯỞNG**
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. LƯU TRANG

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số: 06/QĐTN, ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Hiệu trưởng

Trường Đại học Sư phạm- Đại học Đà Nẵng)

Ngành: Giáo dục Mầm non. Bậc: Đại học. Hệ: vừa làm vừa học (phương thức liên thông)
Khóa tuyển sinh năm 2010. Đào tạo tại Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Quảng Nam

Số TT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
1	Phan Thị Thanh	Bình	16/06/1979	Quảng Nam	7,50	Khá	
2	Lê Thị	Các	27/08/1976	Quảng Nam	7,35	Khá	
3	Nguyễn Thị Kim	Dung	06/05/1984	Quảng Nam	7,52	Khá	
4	Nguyễn Thị Lệ	Dung	27/05/1970	Quảng Nam	7,22	Khá	
5	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	24/10/1983	Q.Nam-Đ.Nẵng	7,77	Khá	
6	Huỳnh Thị	Dũng	03/06/1970	Quảng Nam	7,77	Khá	
7	Lưu Thị Kim	Duyên	01/01/1986	Quảng Nam	7,75	Khá	
8	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	28/06/1985	Quảng Nam	7,32	Khá	
9	Lê Thị	Hà	08/09/1968	Quảng Nam	7,35	Khá	
10	Vũ Thị Hồng	Hạnh	21/02/1982	Quảng Nam	7,72	Khá	
11	Đương Thị Thu	Hiếu	14/12/1982	Quảng Nam	7,53	Khá	
12	Lê Thị Thu	Hiếu	01/01/1982	Quảng Nam	7,87	Khá	
13	Nguyễn Việt	Hoa	04/12/1970	Quảng Nam	7,37	Khá	
14	Lê Thị	Hương	27/07/1980	Quảng Nam	7,23	Khá	
15	Nguyễn Thị Mai	Hương	18/12/1965	Quảng Nam	7,43	Khá	
16	Hà Thị	Hường	02/06/1984	Quảng Nam	7,52	Khá	
17	Phạm Thị	Lan	21/10/1967	Quảng Nam	6,90	Trung bình khá	
18	Trần Thị	Lên	28/09/1972	Quảng Nam	8,07	Giỏi	
19	Khương Thị	Linh	02/04/1968	Thanh Hóa	7,43	Khá	
20	Huỳnh Thị Kim	Lan	06/09/1987	Quảng Nam	7,78	Khá	
21	Phạm Thị	Lý	08/02/1982	Quảng Nam	7,15	Khá	
22	Phạm Thị	Mười	30/10/1970	Quảng Nam	7,62	Khá	
23	Đinh Kim	Nga	19/10/1983	Quảng Nam	7,63	Khá	
24	Đặng Thị Phú	Nga	04/06/1974	Quảng Nam	7,55	Khá	
25	Nguyễn Thị	Nga	01/06/1972	Quảng Nam	7,72	Khá	
26	Phạm Nguyễn Hồng	Nhung	30/09/1979	Quảng Nam	7,90	Khá	
27	Lê Thị Kim	Oanh	23/03/1986	Quảng Nam	7,85	Khá	
28	Giao Thị Đan	Phượng	11/11/1973	Quảng Nam	7,77	Khá	
29	Nguyễn Thị Hồng	Thanh	20/12/1984	Quảng Nam	7,52	Khá	
30	Lê Thị	Thảo	14/09/1982	Quảng Nam	7,78	Khá	
31	Nguyễn Lê Phương	Thảo	11/07/1985	Quảng Nam	7,73	Khá	
32	Phạm Thị Phương	Thảo	21/06/1984	Quảng Nam	7,90	Khá	
33	Nguyễn Thị	Thiên	10/10/1970	Quảng Nam	7,42	Khá	
34	Lâm Thị	Thư	25/08/1985	Quảng Nam	7,72	Khá	
35	Nguyễn Thị	Thư	14/04/1967	Quảng Nam	6,88	Trung bình khá	
36	Ngô Thị	Trường	10/10/1968	Quảng Nam	7,12	Khá	
37	Đoàn Thị Minh	Tuý	26/09/1983	Quảng Nam	7,45	Khá	
38	Nguyễn Thị Thanh	Tuý	01/01/1975	Quảng Nam	6,77	Trung bình khá	
39	Trần Thị Thanh	Tuý	07/01/1973	Quảng Nam	6,62	Trung bình khá	
40	Nguyễn Thị Kim	Tinh	05/04/1973	Quảng Nam	7,37	Khá	
41	Lương Thị	Tốt	02/03/1964	Quảng Nam	7,18	Khá	
42	Cao Thị Mỹ	Triều	20/12/1986	Quảng Nam	7,33	Khá	
43	Phan Thị	Tuyền	05/05/1977	Quảng Nam	7,43	Khá	
44	Võ Thị Ánh	Tuyết	09/10/1968	Quảng Nam	7,55	Khá	
45	Nguyễn Thị	Uyên	12/10/1970	Quảng Nam	7,33	Khá	
46	Đặng Thị Cẩm	Vân	28/06/1983	Quảng Nam	7,47	Khá	



DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số: **06**/QĐTN, ngày **04** tháng **01** năm **2012** của Hiệu trưởng

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Ngành: Giáo dục Mầm non. Bậc: Đại học. Hệ: Vừa làm vừa học (phương thức liên thông)

Khóa tuyển sinh năm 2010. Đào tạo tại Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Quảng Nam (Đại Lộc)

Số TT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
1	Nguyễn Thị	Ái	02/01/1986	Quảng Nam	7.60	Khá	
2	Huỳnh Thị Ngọc	Anh	10/10/1980	Quảng Nam	7.25	Khá	
3	Lê Thị Hồng	Anh	10/12/1966	Đà Nẵng	7.23	Khá	
4	Trần Thị Thu	Ba	22/12/1961	Quảng Nam	7.88	Khá	
5	Võ Thị	Bát	20/11/1971	Quảng Nam	7.57	Khá	
6	Trần Thị	Bảy	01/12/1970	Quảng Nam	7.03	Khá	
7	Nguyễn Thị	Bi	20/01/1982	Quảng Nam	7.00	Khá	
8	Nguyễn Thị	Đuôi	04/12/1983	Quảng Nam	6.80	Trung bình khá	
9	Đinh Thị	Cơ	10/10/1963	Quảng Nam	7.58	Khá	
10	Trà Thị	Cơ	17/07/1970	Quảng Nam	7.27	Khá	
11	Phan Thị	Cúc	03/08/1980	Quảng Nam	7.22	Khá	
12	Nguyễn Thị	Cương	20/10/1960	Quảng Nam	7.07	Khá	
13	Trần Thị	Dung	20/10/1983	Quảng Nam	7.13	Khá	
14	Trương Thị	Đạo	05/07/1966	Quảng Nam	7.12	Khá	
15	Đoàn Thị	Điểm	01/01/1971	Quảng Nam	7.10	Khá	
16	Trà Thị	Đồng	20/10/1964	Quảng Nam	7.53	Khá	
17	Nguyễn Thị Thanh	Hà	15/07/1979	Quảng Nam	7.15	Khá	
18	Trần Thị	Hai	28/10/1981	Quảng Nam	6.85	Trung bình khá	
19	Huỳnh Thị	Hằng	10/08/1977	Đà Nẵng	6.90	Trung bình khá	
20	Nguyễn Thị Thu	Hằng	05/05/1981	Quảng Nam	7.13	Khá	
21	Nguyễn Thị	Hạnh	09/12/1968	Quảng Nam	6.97	Trung bình khá	
22	Nguyễn Thị	Hát	10/12/1965	Quảng Nam	7.93	Khá	
23	Đỗ Thị Thu	Hiền	10/10/1984	Quảng Nam	7.08	Khá	
24	Nguyễn Thị Thu	Hiền	25/07/1967	Quảng Nam	7.30	Khá	
25	Trần Thị Thu	Hiền	20/04/1978	Quảng Nam	6.87	Trung bình khá	
26	Đinh Thị	Hoa	20/08/1972	Đà Nẵng	7.02	Khá	
27	Nguyễn Thị	Hoa	12/12/1964	Quảng Nam	7.10	Khá	
28	Nguyễn Thị	Hồng	08/04/1981	Quảng Nam	7.43	Khá	
29	Nguyễn Thị	Hồng	30/03/1965	Hà Nội	7.70	Khá	
30	Đặng Thanh	Hương	25/04/1987	Quảng Nam	6.95	Trung bình khá	
31	Nguyễn Thị	Hương	09/12/1967	Quảng Nam	7.43	Khá	
32	Ngô Thị Thuý	Kiều	11/07/1981	Quảng Nam	6.98	Trung bình khá	
33	Nguyễn Thị	Lãnh	26/02/1962	Quảng Nam	7.68	Khá	
34	Nguyễn Thị	Lập	01/01/1982	Quảng Nam	7.13	Khá	
35	Trần Thị Kim	Liên	20/01/1980	Quảng Nam	7.42	Khá	
36	Nguyễn Thị Phương	Linh	01/01/1966	Quảng Trị	7.13	Khá	
37	Nguyễn Thị Thuý	Linh	27/07/1986	Quảng Nam	7.42	Khá	
38	Huỳnh Thị Kim	Loan	01/08/1970	Quảng Ngãi	7.20	Khá	
39	Nguyễn Thị	Lưu	12/12/1982	Quảng Nam	7.18	Khá	
40	Nguyễn Thị	Lý	04/06/1965	Quảng Nam	7.25	Khá	
41	Đặng Thị	Mai	01/01/1978	Quảng Nam	7.18	Khá	
42	Phan Thị Huỳnh	Mai	10/11/1967	Quảng Nam	7.05	Khá	
43	Nguyễn Thị	Minh	21/12/1972	Ninh Bình	6.93	Trung bình khá	
44	Trần Thị	Mười	10/10/1973	Quảng Nam	7.13	Khá	
45	Tạ Thị Tú	Mỹ	18/12/1980	Quảng Nam	7.58	Khá	
46	Lê Thị Ly	Na	22/12/1985	Quảng Nam	7.25	Khá	



Số TT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
47	Nguyễn Thị Phạm	Nà	07/07/1987	Quảng Nam	6,98	Trung bình khá	
48	Đỗ Thị Quỳnh	Nga	04/04/1984	Quảng Nam	7,58	Khá	
49	Lê Thị	Nga	28/07/1985	Quảng Nam	7,25	Khá	
50	Lê Thị Kim	Nga	18/10/1968	Quảng Nam	7,32	Khá	
51	Nguyễn Thị Ánh	Nga	20/04/1982	Quảng Nam	7,43	Khá	
52	Thái Thị	Nghĩa	18/01/1985	Quảng Nam	7,05	Khá	
53	Đoàn Kim	Nguyên	10/10/1980	Quảng Nam	7,35	Khá	
54	Lê Thị Minh	Nguyệt	15/06/1978	Quảng Nam	7,13	Khá	
55	Hà Thị	Nhung	27/08/1984	Quảng Nam	7,35	Khá	
56	Nguyễn Thị	Nữ	14/06/1969	Quảng Nam	7,47	Khá	
57	Huỳnh Thị	Phú	08/07/1970	Quảng Nam	7,20	Khá	
58	Ngô Thị Hồng	Phượng	21/11/1977	Đà Nẵng	7,22	Khá	
59	Trương Thị	Phượng	18/11/1968	Quảng Nam	7,22	Khá	
60	Trần Thị	Quang	01/12/1970	Đà Nẵng	6,88	Trung bình khá	
61	Nguyễn Thị	Sen	05/12/1969	Quảng Nam	7,03	Khá	
62	Nguyễn Thị Thu	Sương	30/03/1987	Đồng Nai	7,45	Khá	
63	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	04/05/1983	Quảng Nam	7,35	Khá	
64	Ngô Phan Thị	Tâm	20/04/1983	Quảng Nam	7,10	Khá	
65	Võ Thị	Thắm	08/06/1985	Quảng Nam	6,95	Trung bình khá	
66	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	22/11/1987	Quảng Nam	7,37	Khá	
67	Nguyễn Thị Kim	Thành	01/01/1982	Quảng Nam	6,90	Trung bình khá	
68	Hồ Thị Như	Thảo	25/09/1977	Quảng Nam	7,07	Khá	
69	Nguyễn Thị	Thảo	16/12/1970	Quảng Nam	7,08	Khá	
70	Nguyễn Thị Thu	Thảo	21/03/1984	Quảng Nam	7,10	Khá	
71	Trần Thị	Thiện	06/01/1969	Đà Nẵng	7,53	Khá	
72	Trương Thị Ánh	Thiện	15/05/1983	Quảng Nam	7,27	Khá	
73	Hà Thị	Thu	01/10/1982	Quảng Nam	6,75	Trung bình khá	
74	Phạm Thị Hồng	Thu	03/05/1971	Quảng Nam	6,88	Trung bình khá	
75	Nguyễn Thị	Thuận	01/01/1980	Quảng Nam	7,27	Khá	
76	Trần Thị	Thương	03/09/1969	Quảng Nam	7,02	Khá	
77	Nguyễn Thị	Thuy	05/02/1983	Quảng Nam	6,98	Trung bình khá	
78	Lê Thị Lệ	Thuy	05/02/1969	Quảng Nam	7,02	Khá	
79	Nguyễn Thị	Thuy	15/08/1978	Quảng Nam	7,13	Khá	
80	Trần Thị	Trình	12/05/1985	Quảng Nam	7,30	Khá	
81	Võ Thị	Trương	12/11/1984	Quảng Nam	6,97	Trung bình khá	
82	Lê Thị	Tùng	04/04/1982	Quảng Nam	7,00	Khá	
83	Trần Thị	Tuyền	05/01/1981	Quảng Nam	7,17	Khá	
84	Đỗ Thị Ánh	Tuyết	14/06/1982	Quảng Nam	6,90	Trung bình khá	
85	Nguyễn Thị	Tuyết	15/11/1986	Quảng Nam	7,27	Khá	
86	Lê Thị Hồng	Vân	17/11/1984	Quảng Nam	7,37	Khá	
87	Nguyễn Thị	Vân	10/12/1968	Quảng Nam	6,75	Trung bình khá	
88	Nguyễn Thị Bạch	Vân	11/09/1964	Quảng Nam	7,52	Khá	
89	Nguyễn Thị Thu	Vân	01/01/1970	Đà Nẵng	6,93	Trung bình khá	
90	Dương Thị Thu	Vĩnh	18/09/1982	Quảng Nam	7,18	Khá	
91	Võ Thị Thanh	Xuân	20/10/1969	Quảng Nam	7,22	Khá	
92	Huỳnh Thị Ngọc	Yên	23/09/1986	Quảng Nam	7,07	Khá	

Tổng cộng 92 học viên được công nhận tốt nghiệp

Trong đó: 73 học viên xếp loại Khá

19 học viên xếp loại Trung bình Khá

Đã kiểm tra ký 92 bảng TC.
28-2-2012
hmm

Đã ký 92 bảng TCĐA
Đã ký 28/02/2012
Đã được công nhận 01 tháng 01 năm 2012
TRƯỞNG HIỆU TRƯỞNG
ĐẠI HỌC
SƯ PHẠM
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
PGS.TS. LƯU TRANG

